TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2017/KDTM-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh
2. Ông Chu Mạnh Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2016/TLST-KDTM ngày 19/10/2016, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2017/QĐST-KDTM ngày 23/5/2017, và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2017/QĐST-KDTM ngày 16/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H, địa chỉ trụ sở chính: đường X, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Hoàng N, địa chỉ: đường Y, khu phố H, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2016) (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH S, địa chỉ trụ sở chính: Đường Z, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Huỳnh Kim Minh T, địa chỉ: đường V, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2016) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H và trình bày của người đại diện của nguyên đơn:

Ngày 12/7/2016, Công ty TNHH H (Sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) ký Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT. Nội dung hợp đồng Công ty S mua của Công ty H 07 kệ khuôn đơn giá 29.800.000 đồng, thành tiền 229.460.000 đồng, bên mua tạm ứng 30% tương đương 62.580.000 đồng, thanh toán hết 70% còn lại sau khi nhận hàng, hóa đơn và các chứng từ kèm theo có liên quan, thời gian giao hàng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 06/8/2016, Công ty H đã hoàn thành sản phẩm và bàn giao trước 01 kệ khuôn cho Công ty S tại địa điểm ghi trong hợp đồng đúng thời hạn, nhưng Công ty S không đồng ý nhận hàng và nghiệm thu. Ngày 12/8/2016, giữa Công ty H và Công ty S có ký biên bản làm việc với nội dung theo Phụ lục hợp đồng số 2016/08-01 ký ngày 12/8/2016 thì phía Công ty S yêu cầu Công ty H giảm 1% trên tổng giá trị của hợp đồng và lý do điều chỉnh là Công ty S cho rằng Công ty H trích phí hoa hồng cho ông Đỗ Văn T1 – nguyên trưởng bộ phận bảo trì của Công ty S. Nhận thấy yêu cầu của Công ty S không hợp lý nên Công ty H đã xác nhận là không đồng ý yêu cầu nêu trên. Ngày 24/8/2016, Công ty H và Công ty S ký biên bản làm việc với nội dung Công ty S cho rằng việc không đồng ý nhận hàng và nghiệm thu kệ khuôn là do Công ty H không có bản vẽ kỹ thuật; bảng báo giá cao hơn so với đơn vị khác; hợp đồng kinh tế mới nhận được từ nội bộ công ty nên chưa kịp xem xét thẩm định, nghiệm thu kệ khuôn.

Vì Công ty S vi phạm hợp đồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp, gây thiệt hại cho Công ty H nên Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

1. Công ty S có nghĩa vụ nhận hàng hóa là 07 kệ khuôn và thanh toán đủ số tiền 229.460.000 đồng cho Công ty H.

2. Phạt vi phạm hợp đồng 0,5%/01 ngày trên giá trị hợp đồng, tuy nhiên vượt quá nên tính theo Luật thương mại 2005: 8% x 208.600.000 đồng = 16.688.000 đồng

3. Bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán từ ngày 19/8/2016, lãi suất 9%, tạm tính đến 29/9/2016 là 2.086.000 đồng.

- Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty S:

Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT ngày 12/7/2016 chưa xác định tiêu chuẩn dung sai thép, chưa có bản vẽ kỹ thuật, tiêu chuẩn kệ khuôn và điều kiện nghiệm thu, nhận hàng.

Về tư cách pháp lý đứng ra thương lượng, ký kết hợp đồng, giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp hợp đồng với Công ty H chỉ có đại diện theo pháp luật của Công ty S là Ông M và Ông H là đủ tư cách pháp lý.

Vì vậy, Công ty S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện của nguyên đơn Công ty H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc Công ty S có nghĩa vụ nhận hàng hóa là 07 kệ khuôn và thanh toán đủ số tiền 229.460.000 đồng cho Công ty H, bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán

với lãi suất 9%, từ ngày 19/8/2016 đến ngày xét xử 10 tháng 24 ngày là 16.896.600 đồng, tổng cộng 246.356.600 đồng, đối với phạt vi phạm hợp đồng 16.688.000 đồng Công ty H không tiếp tục yêu cầu. Căn cứ Công ty H đưa ra là Công ty S đã vi phạm hợp đồng, không nhận kệ khuôn do Công ty H giao và không thanh toán cho Công ty H theo đúng thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết.

- Người đại diện của bị đơn Công ty S đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với lý do Công ty H không cung cấp tiêu chuẩn thép sản xuất ra kệ khuôn, bản vẽ kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật nên chưa tiến hành nghiệm thu và chưa nhận hàng, mặt khác Công ty H chưa đưa ra yêu cầu chính thức cho việc giao hàng đúng thời hạn của hợp đồng, Công ty S chưa nhận được hàng, hóa đơn nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả tiền, vì vậy yêu cầu của Công ty H là không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty H và bị đơn Công ty S là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại, bị đơn có trụ sở tại quận Thủ Đức. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy trong hợp đồng có thỏa thuận điều khoản về giải quyết tranh chấp giao cho Tòa án kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên thỏa thuận này là vô hiệu. Sau khi hết hạn giao hàng và trả tiền của hợp đồng, ngày 24/8/2016, hai bên có biên bản làm việc nhưng không giải quyết được tranh chấp, ngày 06/10/2016, nguyên đơn khởi kiện, căn cứ theo Điều 319 Luật thương mại 2005, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý giải quyết là đúng quy định.

Xét quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa về nghĩa vụ nhận hàng và trả tiền.

1. Xét hợp đồng có tranh chấp là Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT ngày 12/7/2016 được ký kết giữa Công ty H và Công ty S có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa tại Điều 3, Điều 24, Điều 25 Luật thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật và có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Trong hợp đồng có sai sót về số tiền của từng đợt thanh toán trong phương thức thanh toán, tuy nhiên chỉ là sai sót về số học, hai bên đều không có ý kiến về sai sót này nên không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của hợp đồng.

Phía nguyên đơn Công ty H cho rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ sản xuất hàng đúng theo hợp đồng, giao hàng đúng thời hạn nhưng bị đơn Công ty S không nhận và không trả tiền hàng. Phía bị đơn Công ty S cho rằng chưa xác định tiêu chuẩn dung sai thép, chưa có bản vẽ kỹ thuật, tiêu chuẩn kệ khuôn và điều kiện nghiệm thu nên chưa nhận hàng và chưa thanh toán.

Xem xét Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT ngày 12/7/2016 tại gồm có 5 điều: Điều I: Tên hàng - Quy cách - Số lượng - Đơn giá; Điều II: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán; Điều III: Thời gian và địa điểm giao hàng; Điều IV: Trách

nhiệm hai bên; Điều V: Điều kiện và điều khoản chung. Tại Điều I chỉ ghi nhận "Tên hàng – Quy cách" là "Kệ khuôn", trong Điều I cũng như trong toàn bộ hợp đồng không ghi nhận về tiêu chuẩn dung sai thép, bản vẽ kỹ thuật, tiêu chuẩn kệ khuôn và điều kiện nghiệm thu, nhận hàng. Tại Điều IV quy định bên B (Công ty H) cung cấp hàng hóa, nội dung theo đúng quy cách đã mô tả trong Điều I, bảo đảm hàng hóa đạt theo đúng yêu cầu.

Trên thực tế, trước khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT, hai bên có thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật thể hiện bằng bản vẽ kỹ thuật có xác nhận của ông Đỗ Văn T1 (khi đó là Trưởng bộ phận bảo trì của Công ty S) ngày 08/7/2016, ký nhận của ông T1 đối với Bảng báo giá ghi ngày 11/7/2016 với đơn giá và tổng tiền hàng đúng theo hợp đồng được ký kết sau đó ngày 12/7/2016. Cách thức giao kết hợp đồng tương tự như thế giữa hai bên thể hiện qua Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HH-SPBT ngày 22/10/2015 khi Công ty S mua của Công ty H 01 kệ khuôn với giá 40.240.000 đồng và hợp đồng này đã được thực hiện xong.

Như vậy, trong hợp đồng không có quy định cụ thể tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, nếu có ghi nhận chỉ là bản vẽ kỹ thuật có xác nhận ngày 08/7/2016. Phía bị đơn không đưa ra chứng cứ để chứng minh hàng hóa không phù hợp với mục đích sử dụng thông thường, hoặc không phù hợp với bất kỳ mục đích cụ thể nào mà bên mua đã cho bên bán biết, hoặc không bảo đảm chất lượng như chất lượng của mẫu hàng hóa đã giao; hoặc không được bảo quản, đóng gói theo cách thức thông thường theo quy định tại Điều 39 Luật thương mại năm 2005, hoặc đưa ra chứng cứ chứng minh hàng không đúng với bản vẽ kỹ thuật có xác nhận ngày 08/7/2016, nên việc từ chối nhận hàng là không có căn cứ pháp luật. Việc bị đơn đưa ra yêu cầu xác định tiêu chuẩn dung sai thép, bản vẽ kỹ thuật, tiêu chuẩn kệ khuôn và điều kiện nghiệm thu, nhận hàng làm điều kiện để nhận hàng (lần đầu đưa ra yêu cầu tại biên bản làm việc ngày 24/8/2016), sau khi đã hết thời hạn giao hàng của hợp đồng là không có cơ sở và căn cứ pháp luật.

Vì vậy, căn cứ Điều 50 Luật thương mại năm 2005, Công ty S phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT ngày 12/7/2016. Cụ thể, thời điểm nhận hàng theo Điều III là ngày 11/8/2016, thời điểm trả tiền theo Điều II là sau khi nhận hàng, hóa đơn và các chứng từ kèm theo có liên quan, phía Công ty S từ chối nhận hàng không có căn cứ nên thời điểm trả tiền được tính vào ngày giao hàng 11/8/2016. Nguyên đơn Công ty H yêu cầu Công ty S nhận hàng và trả tiền hàng là có căn cứ nên được chấp nhận, số tiền Công ty S phải trả cho Công ty H là 229.460.000 đồng.

2. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ nhận hàng là 0,5%/01 ngày trên giá trị hợp đồng, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu và không yêu cầu phần này nữa nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Đối với yêu cầu của nguyên đơn bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán từ ngày 19/8/2016, lãi suất 9%, tính đến ngày xét xử 10 tháng 24 ngày là 16.896.600 đồng. Phía Công ty S cho rằng Công ty H chưa có thông báo chính thức yêu cầu Công ty S nhận hàng nên Công ty chưa nhận hàng, chưa được nhận hóa đơn nên nghĩa vụ thanh toán của Công ty S chưa phát sinh, vì vậy, việc trả tiền chậm thanh toán là

không có căn cứ. Xét thấy hợp đồng không quy định về nghĩa vụ thông báo khi giao hàng, mặt khác qua các biên bản làm việc giữa hai bên sau khi hết hạn giao hàng cho thấy phía Công ty S từ chối nhận hàng nên việc buộc Công ty H phải đưa ra thông báo yêu cầu nhận hàng làm căn cứ cho việc phát sinh nghĩa vụ của Công ty S là không có cơ sở. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại, do Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 11/8/2016, nên yêu cầu của Công ty H về buộc Công ty S trả tiền lãi trên số tiền chậm trả (không tính VAT) có cơ sở, lãi suất yêu cầu 9%/năm thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và thời gian từ ngày 19/8/2016 là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu này của nguyên đơn Công ty H được chấp nhận, cụ thể:

208.600.000 đồng x 9%/năm x 10 tháng 24 ngày = 16.896.600 đồng.

Như vậy, các yêu cầu của nguyên đơn Công ty H được chấp nhận gồm buộc Công ty S nhận hàng, trả tiền hàng 229.460.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán 16.896.600 đồng, tổng cộng 246.356.600 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty H được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bị đơn Công ty S phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả 246.356.600 đồng là 12.317.830 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 24, Điều 25, Điều 39, Điều 50, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH H

Buộc Công ty TNHH S nhận hàng là 07 kệ khuôn được mô tả tại Hợp đồng kinh tế số 01/2016/HH-SPBT ngày 12/7/2016 và trả cho cho Công ty TNHH H số tiền 229.460.000 (Hai trăm hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng; Trả cho Công ty TNHH H tiền lãi do chậm thanh toán 16.896.600 (Mười sáu triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm) đồng, tổng cộng 246.356.600 (Hai trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn xin thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả tiền, thì người phải thi hành án phải trả lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH S chịu 12.317.830 (Mười hai triệu ba trăm mười bảy ngàn tám trăm ba mươi) đồng

- Trả cho Công ty TNHH H tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.205.850 (Sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn tám trăm năm mươi) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014125 ngày 19/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án Q.TĐ;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tôn Trung Tuấn